

Số: 08/2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt, được sửa đổi, bổ sung năm 2022, 2023

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN

a) Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam (sau đây gọi là LPBank).”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 như sau:

“7. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực.”;

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện có thẩm quyền:

1. Chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn.

2. Xác nhận đủ điều kiện hoạt động tại địa điểm mới đối với phòng giao dịch bưu điện thay đổi địa điểm trên địa bàn.

3. Bắt buộc chấm dứt hoạt động phòng giao dịch bưu điện trên địa bàn.”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Hồ sơ của LPBank được gửi tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện bằng một trong những hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có);

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”;

đ) Bổ sung khoản 4, 5 Điều 6 như sau:

“4. Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

5. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).”;

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Trường hợp phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Trường hợp trên cùng đơn vị hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp xã liền kề nơi đặt phòng giao dịch bưu điện, LPBank có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, LPBank phải chịu trách nhiệm vận chuyển tiền của các phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền theo quy định về kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc;

b) Trường hợp trên cùng đơn vị hành chính cấp xã và đơn vị hành chính cấp xã liền kề nơi đặt phòng giao dịch bưu điện, LPBank không có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành, LPBank phải chịu trách nhiệm vận chuyển tiền của các phòng giao dịch bưu điện không có kho tiền sau khi trừ hạn mức tồn quỹ tiền mặt cuối ngày về kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định sau khi kết thúc giờ giao dịch mỗi ngày làm việc. LPBank có trách nhiệm xây dựng quy định hạn mức tồn quỹ tiền mặt và có các biện pháp đảm bảo an toàn tiền mặt tồn quỹ cuối ngày tại các phòng giao dịch bưu điện, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện để giám sát.”.

2. Thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại Thông tư số 43/2015/TT-NHNN

a) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện)” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở phòng giao dịch bưu điện” tại khoản 2, khoản 4 Điều 17;

b) Thay thế cụm từ “thoái vốn xuống” bằng cụm từ “sở hữu” tại khoản 3 Điều 7, khoản 6, khoản 7c Điều 17, Phụ lục số 03;

c) Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại tên Điều 18, khoản 2 Điều 19, điểm 4 Phụ lục số 01, điểm 4 Phụ lục số 02;

d) Thay thế cụm từ “Cục công nghệ tin học” bằng cụm từ “Cục Công nghệ thông tin” tại điểm 3 Phụ lục số 01, điểm 3 Phụ lục số 02;

đ) Thay thế cụm từ “Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt” bằng cụm từ “LPBank” tại Điều 2, khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 3, Điều 5, khoản 1, 2 Điều 6, khoản 1, điểm e khoản 2, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 7, điểm a, b khoản 1, khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13, điểm a, b khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 1, khoản 2, 3, 4 Điều 15, Điều 16, tên Điều 17, khoản 2, 6, 7b, 7c, 7e, 7g, 7h Điều 17, khoản 3 Điều 18, tên Điều 19, khoản 3 Điều 19, Điều 20, Điều 22, Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03;

e) Thay thế cụm từ “Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt” bằng cụm từ “Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam” tại tên Thông tư;

g) Bỏ các cụm từ “Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,” “các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, “Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc)” tại Điều 22.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-NHNN

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5, 6, 7, 8 Điều 32 như sau:

“5. Kể từ ngày 01/7/2024, quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động liên xã là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không đáp ứng một trong các điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này phải xây dựng phương án xử lý để đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện được hoạt động liên xã. Việc xây dựng phương án phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày 01/7/2024 hoặc kể từ ngày xác định không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động liên xã, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:

(i) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã;

(ii) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 1 Điều này;

(iii) Kế hoạch, biện pháp xử lý theo từng quý và cam kết thực hiện đảm bảo trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày 01/7/2024 (đối với trường hợp không đáp ứng điều kiện trước ngày 01/7/2024) hoặc kể từ ngày xác định không đáp ứng đủ điều kiện hoạt động liên xã phải đáp ứng đủ điều kiện hoạt động liên xã quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân sửa đổi, bổ sung phương án xử lý nếu chưa đạt yêu cầu. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu sửa đổi, bổ sung phương án xử lý, trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn thiện, gửi phương án xử lý đã được sửa đổi, bổ sung đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý (bao gồm cả trường hợp sửa đổi, bổ sung), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản phê duyệt phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân.

Định kỳ hằng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên quý tiếp theo, quỹ tín dụng nhân dân phải có văn bản báo cáo tiến độ thực hiện phương án xử lý đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ

bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

6. Sau thời hạn xử lý tối đa quy định tại điểm a(iii) khoản 5 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân không đáp ứng một trong các điều kiện được hoạt động liên xã là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm đ khoản 1 Điều này phải có phương án xử lý để chấm dứt hoạt động tại xã liền kề theo quy định sau:

a) Trong thời hạn tối đa 60 ngày sau thời hạn xử lý tối đa tại điểm a(iii) khoản 5 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:

(i) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã;

(ii) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 1 Điều này;

(iii) Kế hoạch, biện pháp xử lý theo từng quý và cam kết thực hiện đảm bảo trong thời hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày kết thúc phương án xử lý nêu tại điểm a(iii) khoản 5 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân phải chấm dứt hoạt động tại xã liền kề, điều chỉnh hoạt động về địa bàn xã nơi đặt trụ sở chính;

b) Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân sửa đổi, bổ sung phương án xử lý nếu chưa đạt yêu cầu. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu sửa đổi, bổ sung phương án xử lý, trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn thiện, gửi phương án xử lý đã được sửa đổi, bổ sung đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý (bao gồm cả trường hợp sửa đổi, bổ sung), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản phê duyệt phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân.

Định kỳ hằng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên quý tiếp theo, quỹ tín dụng nhân dân phải có văn bản báo cáo tiến độ thực hiện phương án xử lý đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

c) Trong thời gian thực hiện phương án xử lý, quỹ tín dụng nhân dân không được kết nạp thành viên mới và cho vay mới tại địa bàn xã phải chấm dứt hoạt động.

7. Kể từ ngày 01/7/2024, quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động tại các xã không liền kề xã nơi đặt trụ sở chính hoặc có địa bàn hoạt động liên xã liền kề ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do chia, tách địa giới hành chính phải xây dựng phương án xử lý để chấm dứt hoạt động tại các xã không liền kề, xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định sau:

a) Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành hoặc 60 ngày kể từ ngày thoái hết vốn nhà nước tại quỹ tín dụng nhân dân, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:

(i) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân;

(ii) Kế hoạch, biện pháp xử lý theo từng quý, bao gồm cả việc tổ chức lại dưới hình thức chia, tách theo quy định của pháp luật và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 36 tháng kể từ ngày văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành hoặc kể từ ngày thoái hết vốn nhà nước tại quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động tại các xã không liền kề, xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại điểm a khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân sửa đổi, bổ sung phương án xử lý nếu chưa đạt yêu cầu. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu sửa đổi, bổ sung phương án xử lý, trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung, quỹ tín dụng nhân dân phải hoàn thiện, gửi phương án xử lý đã được sửa đổi, bổ sung đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý (bao gồm cả trường hợp sửa đổi, bổ sung), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản phê duyệt phương án xử lý của quỹ tín dụng nhân dân.

Định kỳ hằng quý, trước ngày 10 tháng đầu tiên quý tiếp theo, quỹ tín dụng nhân dân phải có văn bản báo cáo tiến độ thực hiện phương án xử lý đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

c) Trong thời gian thực hiện phương án xử lý, quỹ tín dụng nhân dân không được kết nạp thành viên mới và cho vay mới tại địa bàn xã phải chấm dứt hoạt động.

8. Sau 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành phương án xử lý đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân có văn bản báo cáo việc hoàn thành phương án xử lý và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung địa bàn hoạt động gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Sau 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.”;

b) Bổ sung khoản 10 Điều 32 như sau:

“10. Việc gửi phương án xử lý theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7

Điều này; việc gửi văn bản báo cáo việc hoàn thành phương án xử lý và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với nội dung địa bàn hoạt động theo quy định tại khoản 8 Điều này được thực hiện bằng một trong những hình thức sau:

- a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có);
- b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;
- c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.

Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).”.

2. Thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại Thông tư số 29/2024/TT-NHNN

a) Thay thế cụm từ “một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là xã)” bằng cụm từ “một đơn vị hành chính cấp xã (sau đây gọi là xã)” tại khoản 1 Điều 7;

b) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực” tại khoản 5 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 34;

c) Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 34;

d) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền” tại khoản 4 Điều 26;

đ) Bỏ một số cụm từ như sau:

(i) Bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện và” tại điểm c khoản 4 Điều 32;

(ii) Bỏ cụm từ “Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,” tại Điều 36.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2024/TT-NHNN

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư này và quy định của Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam về phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 9, khoản 11 Điều 3 như sau:

“9. Khu vực nội thành thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các phường của thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.”.

“11. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường.”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 5 như sau:

“a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có);”;

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Khi gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.”;

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 như sau:

“b) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến thành lập chi nhánh, phòng giao dịch ở trong nước có ý kiến đánh giá về sự cần thiết có thêm chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; có ý kiến về các địa bàn dự kiến mở chi nhánh, phòng giao dịch; và việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn (trong trường hợp đề nghị thành lập phòng giao dịch).”;

e) Bổ sung Điều 37a vào sau Điều 37 như sau:

“Điều 37a. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

Trong quá trình thanh tra phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 30 Thông tư này, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cung cấp ngay thông tin cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu ngân hàng thương mại chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.”.

2. Thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại Thông tư số 32/2024/TT-NHNN

a) Thay thế cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 37;

b) Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực” tại khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 5;

c) Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng” tại khoản 3, khoản 4 Điều 14, khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 20, khoản 4, khoản 5 Điều 29, khoản 6, khoản 7 Điều 30, khoản 2 Điều 31, tên Điều 37, Điều 38, Phụ lục số 02;

d) Thay thế cụm từ “Vụ Truyền thông” bằng cụm từ “Thời báo Ngân hàng” tại khoản 5 Điều 23;

đ) Thay thế cụm từ “4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư này thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hiện đang đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch” bằng cụm từ “5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư này thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hiện đang đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch” tại Điều 36;

e) Thay thế cụm từ “xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương” bằng cụm từ “tên đơn vị hành chính cấp xã, Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương” tại điểm 1.1, điểm 1.2 mục 1 Phần I Phụ lục số 01;

g) Bỏ cụm từ “(bao gồm cả văn bản dạng điện tử)” tại điểm b khoản 4 Điều 19, điểm b khoản 3 Điều 22, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 29;

h) Bỏ cụm từ “Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,” tại Điều 41;

i) Bỏ cụm từ “Vùng nông thôn” và “Khu vực khác” tại cột “Tại thành phố Hà Nội” và cột “Tại thành phố Hồ Chí Minh” tại Bảng 1 Phụ lục số 02.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Quy định chuyển tiếp:

a) Các ngân hàng thương mại không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Trường hợp thành lập mới đơn vị mạng lưới thì phải tuân thủ các quy định tại Thông tư số 32/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại và Thông tư này (trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này);

b) Các ngân hàng thương mại đã có văn bản đề nghị chấp thuận đủ điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đã có ý kiến tham gia bằng văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 14 Thông tư số 32/2024/TT-NHNN trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì không phải thực hiện lấy lại ý kiến của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 3 Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Thông tư này bãi bỏ khoản 1, điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 27/2022/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng.

4. Thông tư này bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 11/2023/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tổ chức và hoạt động của phòng giao dịch bưu điện trực thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, ATHT4 ✓



Đoàn Thái Sơn

NAM